TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2023
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử**
Ông **Nguyễn Thanh Bình**
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký toà án huyện Ân Thi
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà*:
Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/02/2023 và quyết định hoãn phiên toà số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Bùi Văn D**, sinh năm 1967 *(vắng mặt)*
- *Bị đơn:* Bà **Dương Thị S**, sinh năm 1971*(vắng mặt)*
Đều trú tại: T, D, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của ông Bùi Văn D cũng như lời khai của bà Dương Thị S trong quá trình tố tụng thể hiện:

Ông D và bà S qua người giới thiệu quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian ngắn thì tổ chức cưới, ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào tháng 8 năm 1990, nhưng Giấy chứng nhận kết hôn vợ chồng đã làm mất, ông D đã đề nghị UBND xã D xác nhận việc kết hôn nhưng UBND xã D cho biết hiện nay không còn lưu giữ sổ sách gì thời điểm đó. Khi vợ chồng đi đăng ký kết hôn thì có bà Hoàng Thị Tám là cháu của ông và bà Dương Thị Bảy là em gái bà S đưa đi đăng ký và chứng kiến.

Quá trình chung sống với nhau theo ông D khai, vợ chồng hòa thuận, vui vẻ đến năm 1992 thì bắt đầu phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do bà S có lời nói, hành động không đúng mực, rất nhiều lần bà S chửi ông và gia đình ông, vì quá bức xúc nên mấy lần ông đánh bà S, thậm chí ông còn đuổi ra khỏi nhà nhưng sau đó chị em trong gia đình hòa giải, hàn gắn thì ông và bà S lại tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng không có hạnh phúc. Từ năm 2002, ông thường xuyên đi làm xa ít khi về nhà nên cuộc sống vợ chồng mới kéo dài dược đến bây giờ. Tuy nhiên nay ông xác định không thể chấp nhận một người vợ như bà S nữa, tình cảm vợ chồng từ lâu cũng

không còn. Do vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn bà S.

Còn Bà S khai vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, vui vẻ đến năm 2020 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D đi ra ngoài hay nghe người khác kích động về đánh, chửi vợ con, bà và các con nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được khiến cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt đến nay chưa khắc phục được. Gần đây ông D thường xuyên sống ở ngoài không về nhà. Nay ông D yêu cầu ly hôn bà không đồng ý ly hôn vì hai người là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định, bà không có tội lỗi gì cả mà ông D muốn rời bỏ bà, lỗi do ông D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Văn K, sinh năm 1991 và Bùi Thị V sinh năm 1996. Hiện các con ông bà đã trưởng thành có gia đình riêng nên ông D, bà S không yêu cầu, đề nghị gì.

Về tài sản, công nợ: ông D, bà S không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị X cho biết: Bà khẳng định, ông D bà S có đăng ký kết hôn tại UBND xã D theo quy định vì khi ông D, bà S đến xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn bà cũng có mặt ở đó chứng kiến. Đối với việc chung sống của ông D, bà S bà ở cùng thôn nên nắm được, sau khi sinh con đầu lòng thì hai người đã phát mâu thuẫn và gay gắt nhất là khoảng tháng 10/2020, khi đó có giỗ cụ, ông D đặt cỗ thì bà S có bê mâm cỗ đập xuống và hất đổ cả hai mâm cỗ. Ông D xấu hổ với họ hàng nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên ông D muốn ly hôn bà S. Ông D và bà S mâu thuẫn, chính quyền thôn đã nhiều lần hoà giải nhưng bà S không nhận khuyết điểm nên vợ chồng không hoà giải được.

- Anh Bùi Văn K khai: anh là con trai của ông D, bà S, anh sống cùng với ông bà, ông D là người gia trưởng, thường xuyên ra ngoài nói xấu bà S và hay đánh bà S. Nguyên nhân bố mẹ anh mâu thuẫn là do ông D thường xuyên chê bà S không giỏi giang nên hay kiếm cớ gây sự, đánh đuổi mẹ anh. Nay ông D có đơn yêu cầu ly hôn, anh xác định bố anh cũng có tuổi nên mong ông bà hoà giải đoàn tụ. Nếu ông D kiên quyết anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Bùi Văn E- trưởng thôn T cung cấp: Ông D lấy bà S thời gian vào khoảng năm 1990, ông bà có đăng ký kết hôn, cưới hỏi đàng hoàng. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu bình thường nhưng sau đó thì mâu thuẫn suốt ngày cãi nhau. Ông D chê bà S cư xử không đúng mực, ông D là trưởng họ nhưng không bảo ban được nên gia đình lục đục. Ông D bà S mâu thuẫn nên có thời gian ông D ra ngoài Quảng Ninh làm để tránh vợ chồng cãi nhau, khi về nhà thì vợ chồng hầu như không quan tâm nhau. Về con chung ông D, bà S có hai con chung là K và V. Các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Ông Lâm Hữu H xác nhận: ông nguyên là cán bộ Văn phòng của UBND xã D từ năm 1990-199, ông có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông D và bà S vào ngày 06/8/1990 (âm lịch) tại UBND xã D.

Xác minh tại UBND xã D: Ông D và bà S hiện trú tại T, xã D. Đối với việc kết hôn của ông D và bà S: ông D, bà S có đăng ký kết hôn tại UBND xã, tuy nhiên do công tác bảo quản, thay đổi trụ sở nên sổ theo dõi đăng ký kết hôn thời kỳ trước năm 2000 không còn đầy đủ. Về mâu thuẫn vợ chồng ông D bà S: qua nắm bắt thông tin thì ông D bà S có mâu thuẫn từ lâu, xuất phát từ việc không hợp quan điểm và cách cư xử của bà S với gia đình ông D nên hai vợ chồng ly thân. Ông D bà S có hai con

chung là K và V, hiện con ông D và bà S cũng trưởng thành. Ông D có đơn yêu cầu ly hôn, quan điểm của UB xã: đề nghị toà án giải quyết theo pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bị đơn đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không lý do đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

- Căn cứ vào các tỉnh tiết, tải liệu, chứng cử có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phi và lệ phí Tòa án.

+ Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng ông D bà S phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tinh không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Ông D tính tình gia trưởng, còn bà S thì không tôn trọng ông nên vợ chồng ông thường xuyên xảy ra cãi nhau, được gia đình hòa giải vợ chồng ông D tiếp tục chung sống được một thời gian, nhưng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Để tránh mặt bà D, từ năm 2002, ông D thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà. Vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm tới ai. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tình cảm vợ chồng, nhưng không thành do ông D kiên quyết xin ly hôn, còn bà S không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không đưa ra được phương án cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt tại các buổi hòa giải không lý do. Điều đó cho thấy cả ông D và bà S đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy có dù căn cứ để xử cho ông D ly hỗn ba S.

+ Về con chung: Có 02 con chung là anh Bùi Văn K, sinh năm 1991 và chị Bùi Thị V sinh năm 1996 đều đã thành niên và tự lo được cuộc sống của mình, nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản, công sức, công nợ chung. Không yêu cầu giải quyết,

+ Ông D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Bùi Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Dương Thị S, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn". Bị đơn là bà Dương Thị S hiện đang cư trú tại: thôn T, xã D, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

Tại phiên tòa, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 228, 238 BLTTDS xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Ông D và bà S không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ đăng ký kết hôn của vợ chồng vì lý do đã làm mất, tuy nhiên ông bà đều khai hai người lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 1990, phù hợp với lời khai của người làm chứng như ông Thích, bà Tám và ông Long. Do vậy, hôn nhân nhân của ông D, bà S là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2]Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng như người làm chứng đều thừa nhận vợ chồng ông D, bà S có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được xác định là do: bất đồng quan điểm, bà S cư xử không đúng mực nên vợ chồng mâu thẫn gay gắt. Ông D đi làm ăn xa và không về nhà. Bà S xác định nguyên nhân là do ông D đi ra ngoài hay nghe người khác kích động về đánh chửi vợ con, bà và các con tôi vẫn nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được khiến cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt đến nay chưa khắc phục được. Gần đây ông D thường xuyên sống ở ngoài không về nhà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D với bà S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm nhau đã một thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, ông D kiên quyết yêu cầu ly hôn, còn bà S không nhất trí ly hôn nhưng cũng không được ra lý do thuyết phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3]Về con chung: ông D, bà S có hai con chung là Bùi Văn K, sinh năm 1991 và Bùi Thị V sinh năm 1996. Hiện các con ông bà đã trưởng thành có gia đình riêng nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: ông D, bà S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Ông D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn D, xử cho ông D được ly hôn bà Dương Thị S.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: ông D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003207 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Ông D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKS huyện Ân Thi;
- UBND xã D;
- THA;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ